

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/7/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp

nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Văn Thịnh

2. Bà Hà Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lữ Thị D - Sinh năm 1996

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện trú tại: bản C, xã S, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Hà Thanh X - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Lữ Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Hà Thanh X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, Bản tự khai ngày 26/3/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lữ Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Thanh X tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn vào ngày 30/3/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng bình thường được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi cọ, xô xát. Mặc dù cả hai đều rất cố gắng nhưng vẫn không cải thiện được.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh X được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh X có một con chung Hà Thanh B, sinh ngày 15/10/2015. Khi ly hôn, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hà Thanh B và không yêu cầu anh X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và công nợ: Chị Lữ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lữ Thị D đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Lữ Thị D còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân của chị D và anh X (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh cháu Hà Thanh B; Xác nhận thông tin nơi cư trú; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Bảng lương các tháng 05, 06, 07 của năm 2024.

* *Về bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh X cũng có bản tự khai với nội dung: Anh đồng ý với ý kiến trình bày của chị D về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân; về nguyên nhân mâu thuẫn: anh X cũng xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn về tính cách nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị D xin ly hôn, anh X xác định tình cảm của anh dành cho chị D vẫn còn, mong muốn con cái có đầy đủ bố mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị D; Về con chung: anh cũng thống nhất với lời trình bày của chị D về số lượng con chung; về trách nhiệm nuôi con trong trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hà Thanh B và không yêu cầu chị D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản và công nợ: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài bản tự khai ngày 01/4/2024 và bản tự khai của cháu Hà Thanh B, anh X không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

* Tại Biên bản hòa giải ngày 26/4/2024 chị Lữ Thị D và anh Hà Thanh X đã thống nhất và không thống nhất được một số nội dung sau:

- *Nội dung thống nhất:* Về con chung: Hai bên thống nhất có một con chung là Hà Thanh B, sinh ngày 15/10/2015; Về tài sản và công nợ: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Hai bên thống nhất là chị D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Nội dung không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân: Chị D đề nghị được ly hôn anh X; anh X không đồng ý ly hôn chị D; Về trách nhiệm nuôi con: Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Thanh B và không yêu cầu anh X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. anh X cũng đề nghị được trực tiếp nuôi

dưỡng Hà Thanh B nếu trường hợp phải ly hôn và không yêu cầu chị D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2024*, ông Phạm Văn N - Trưởng bản Bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy, cho biết:

Chị Lữ Thị D hiện đang tạm trú, sinh sống tại bản Chung Sơn từ năm 2022. Tại nơi cư trú của chị D còn có cháu Hà Thanh B là con chị D, ngoài ra không còn ai khác sinh sống cùng. Cháu B hiện đang học tập tại Trường Tiểu học xã Sơn Thủy. Cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, ngoan ngoãn, lễ phép. Điều kiện sinh hoạt, chỗ ăn, chỗ ở của mẹ con chị D hoàn toàn được đảm bảo. Quá trình sinh sống tại địa phương, chị D luôn chấp hành tốt các quy định pháp luật.

* *Tại các biên bản xác minh ngày 05/6/2024*, bà Hà Thị L - Là mẹ đẻ anh X và bà Lữ Thị T - Là mẹ đẻ chị D, cho biết:

- Về hôn nhân: Chị D, anh X kết hôn tự nguyện vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Xuân. Sau khi kết hôn thì chị D và anh X sinh sống cùng gia đình bà Liệt tại Bản Piềng Phở, xã Trung Xuân. Quá trình chung sống thì vợ chồng chị D, anh X có xảy ra một số mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống. Hiện chị D đã sinh sống và tạm trú tại xã Sơn Thủy, không về sinh sống cùng gia đình bà Liệt nữa. Nay chị D xin ly hôn anh X thì bà Liệt, bà Thơ đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị D, anh X có một con chung là Hà Thanh B, sinh năm 2015. Hiện cháu B đang học tại Trường Tiểu học Sơn Thủy và sống cùng chị D. Nay chị D xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bà Hà Thị L cho biết thêm về công việc của anh X: anh X làm lao động tự do, ai thuê gì làm nấy, thu nhập không ổn định, chỉ đáp ứng mức sống tối thiểu của bản thân.

* *Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2024*, ông Hoàng Văn S - Hiệu trưởng Trường tiểu học xã Sơn Thủy, cho biết:

Cháu Hà Thanh B, sinh năm 2015 là con chung của chị Lữ Thị D và anh Hà Thanh X. Cháu B chuyển đến học tập tại trường từ năm 2023. Cháu vừa học xong lớp ba với mức độ hoàn thành tốt. Trong quá trình học tập cháu luôn chăm ngoan, lễ phép, gần gũi, hòa đồng với các bạn cùng lớp. Cháu phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ. Trong quá trình học tập tại trường, anh X cũng đã từng đề nghị chuyển trường cho cháu về học tại xã Trung Xuân nhưng nguyện vọng của cháu B là được học tập tại xã Sơn Thủy.

Đối với việc đưa, đón cháu đi học thì chị D là người trực tiếp đưa, đón cháu B và nơi tạm trú của chị D gần với nơi cháu B học.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề

ngợi HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 điều 56; các Điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lữ Thị D đối với bị đơn anh Hà Thanh X và giao con chung của anh chị là Hà Thanh B cho chị D có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về án phí, chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Lữ Thị D và anh Hà Thanh X các văn bản tố tụng của Tòa án; chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh X vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh X.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị D và anh Hà Thanh X tự nguyện kết hôn ngày 30/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa chị D và anh X là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hà Thanh X.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện 25/3/2024, Bản tự khai ngày 26/3/2024; Biên bản xác minh lấy ý kiến của mẹ đẻ anh X là bà Hà Thị L và mẹ đẻ chị D là bà Lữ Thị T ngày 05/6/2024 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị D, anh X thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay chị D có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của chị D đối với anh X.

[4] Về con chung: Chị D và anh X có một con chung là Hà Thanh B, sinh ngày 15/10/2015. Khi ly hôn, chị D, anh X đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét nguyện vọng của chị D và anh X về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án tại: Biên bản xác minh lấy ý kiến của ông Phạm Văn N - Trưởng bản Bản Chung Sơn, xã Sơn Thủy ngày 04/6/2024; biên bản xác minh lấy ý kiến của ông Hoàng Văn S - Hiệu trưởng Trường tiểu học xã Sơn Thủy ngày 27/6/2024, HĐXX thấy rằng:

Thực tế lâu nay cháu Hà Thanh B đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị D tại xã Sơn Thủy. Qua tài liệu mà nguyên đơn cung cấp là Bảng lương các tháng 5, 6, 7 năm 2024 của Trường Mầm non xã Sơn Thủy nơi chị D đang làm việc, với mức lương trung bình mỗi tháng 10.000.000 đồng, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập. HĐXX thấy rằng, chị D có công việc, thu nhập ổn định với mức thu nhập phù hợp với điều kiện sống hiện nay, đảm bảo cho việc sinh hoạt cá nhân chị D và đảm bảo cho việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ; đối với anh X không có công việc, thu nhập ổn định, phụ thuộc thời vụ và cũng chỉ đảm bảo việc sinh hoạt tối thiểu cho cá nhân anh, không có khả năng nuôi dưỡng thêm người khác đặc biệt là trẻ nhỏ. Bản thân cháu B cũng bày tỏ nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu ở với ai cũng được tại bản tự khai của cháu.

Do vậy, giao cháu Hà Thanh B cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị D; Giao cháu Hà Thanh B, sinh ngày 15/10/2015 là con chung của chị D, anh X cho chị D có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ cháu B đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Chị D, anh X không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị D, anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lữ Thị D là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị D được ly hôn anh Hà Thanh X.

Về con chung: Giao cho chị Lữ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Hà Thanh B, sinh ngày 15/10/2015; anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh Hà Thanh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lữ Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002483, ký hiệu BLTU/23 ngày 25/3/2024. Chị D đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Trung Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng